



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2025

LỊCH THI HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2025 - 2026
Bậc đào tạo: CAO ĐẲNG - KHOÁ 2025 (C1)

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
1	25C1-	0211001972	1	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 01
2	25C1-	0211001972	2	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 02
3	25C1-	0211001972	3	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 03
4	25C1-	0211001972	4	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 04
5	25C1-	0211001972	5	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 05
6	25C1-	0211001972	6	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 01
7	25C1-	0211001972	7	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 02
8	25C1-	0211001972	8	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 03
9	25C1-	0211001972	9	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 04
10	25C1-	0211001972	10	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 05
11	25C1-	0211001972	11	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	10H00	Tự luận	C2.2 - 01
12	25C1-	0211001972	12	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	10H00	Tự luận	C2.2 - 02
13	25C1-	0211001972	13	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	10H00	Tự luận	C2.2 - 03
14	25C1-	0211001972	14	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	10H00	Tự luận	C2.2 - 04
15	25C1-	0211001972	15	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	10H00	Tự luận	C2.2 - 05
16	25C1-	0211001972	16	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	10H00	Tự luận	C2.3 - 01
17	25C1-	0211001972	17	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	10H00	Tự luận	C2.3 - 02
18	25C1-	0211001972	18	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	10H00	Tự luận	C2.3 - 03
19	25C1-	0211001972	19	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	10H00	Tự luận	C2.3 - 04
20	25C1-	0211001972	20	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	10H00	Tự luận	C2.3 - 05
21	25C1-	0211001972	21	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 01
22	25C1-	0211001972	22	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 02
23	25C1-	0211001972	23	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 03
24	25C1-	0211001972	24	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 04
25	25C1-	0211001972	25	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 05
26	25C1-	0211001972	26	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 01

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Si số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
27	25C1-	0211001972	27	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 02
28	25C1-	0211001972	28	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 03
29	25C1-	0211001972	29	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 04
30	25C1-	0211001972	30	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 01
31	25C1-	0211001972	31	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 02
32	25C1-	0211001972	32	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 03
33	25C1-	0211001972	33	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 04
34	25C1-	0211001972	34	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 05
35	25C1-	0211001972	35	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 01
36	25C1-	0211001972	36	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 02
37	25C1-	0211001972	37	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 03
38	25C1-	0211001972	38	38	Kỹ năng mềm	3	27/01/2026	90	15H30	Tự luận	C2.3 - 04
1	25C1-	0211003650	1	38	Giáo dục Chính trị	4	28/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
2	25C1-	0211003650	2	38	Giáo dục Chính trị	4	28/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
3	25C1-	0211003650	3	38	Giáo dục Chính trị	4	28/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
4	25C1-	0211003650	4	38	Giáo dục Chính trị	4	28/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
5	25C1-	0211003650	5	38	Giáo dục Chính trị	4	28/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
6	25C1-	0211003650	6	38	Giáo dục Chính trị	4	28/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
7	25C1-	0211003650	7	38	Giáo dục Chính trị	4	28/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
8	25C1-	0211003650	8	38	Giáo dục Chính trị	4	28/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
9	25C1-ĐCN; ĐĐT	0211001286	1	36	An toàn điện	4	28/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
10	25C1-ĐCN; ĐĐT	0211001286	2	36	An toàn điện	4	28/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
11	25C1-ĐCN; ĐĐT	0211001286	3	36	An toàn điện	4	28/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
12	25C1-ĐCN; ĐĐT	0211001286	4	36	An toàn điện	4	28/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
13	25C1-ĐCN; ĐĐT	0211001286	5	36	An toàn điện	4	28/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
14	25C1-ĐCN; ĐĐT	0211001286	6	36	An toàn điện	4	28/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 04
15	25C1-	0211003650	9	38	Giáo dục Chính trị	4	28/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
16	25C1-	0211003651	10	38	Giáo dục Chính trị	4	28/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
17	25C1-	0211003652	11	38	Giáo dục Chính trị	4	28/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
18	25C1-	0211003653	12	38	Giáo dục Chính trị	4	28/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
19	25C1-	0211003654	13	38	Giáo dục Chính trị	4	28/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
20	25C1-	0211003655	14	38	Giáo dục Chính trị	4	28/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
21	25C1-	0211003656	15	38	Giáo dục Chính trị	4	28/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
22	25C1-	0211003657	16	38	Giáo dục Chính trị	4	28/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
23	25C1-TĐH; ĐĐT; CĐT	0211003717	1	36	Điện tử cơ bản	4	28/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
24	25C1-TĐH; ĐĐT; CĐT	0211003717	2	36	Điện tử cơ bản	4	28/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
25	25C1-TĐH; ĐĐT; CĐT	0211003717	3	36	Điện tử cơ bản	4	28/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
26	25C1-TĐH; ĐĐT; CĐT	0211003717	4	36	Điện tử cơ bản	4	28/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
27	25C1-TĐH; ĐĐT; CĐT	0211003717	5	36	Điện tử cơ bản	4	28/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
28	25C1-TĐH; ĐĐT; CĐT	0211003717	6	36	Điện tử cơ bản	4	28/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 04
1	25C1-NNA	0211003701	1	26	Ngữ pháp Tiếng Anh 1	5	29/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.1 - 02
2	25C1-NNA	0211003701	2	26	Ngữ pháp Tiếng Anh 1	5	29/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.1 - 03
3	25C1-NTN	0211003654		16	Nhập môn tiếng Nhật	5	29/01/2026	90	13H00	Tự luận	C2.1 - 04
4	25C1-KML; VSL; CNL	0211000211	1	38	Truyền nhiệt	5	29/01/2026	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 01
5	25C1-KML; VSL; CNL	0211000211	2	38	Truyền nhiệt	5	29/01/2026	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 02
6	25C1-KML; VSL; CNL	0211000211	3	38	Truyền nhiệt	5	29/01/2026	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 03
7	25C1-QKS; KLB	0211004158	1	30	Tổng quan du lịch	5	29/01/2026	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 04
8	25C1-QKS; KLB	0211004158	2	30	Tổng quan du lịch	5	29/01/2026	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 05
9	25C1-KTD; TMD	0211000270	1	29	Marketing căn bản	5	29/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
10	25C1-KTD; TMD	0211000270	2	29	Marketing căn bản	5	29/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
11	25C1-LGT	0211003659		38	Logistics cơ bản	5	29/01/2026	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 03
12	25C1-LTM	0211002825		29	Kỹ thuật lập trình	5	29/01/2026	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 04
13	25C1-NNA	0211002506	1	26	Phát âm	5	29/01/2026	120	15H00	Vấn đáp	C2.1 - 02
14	25C1-NNA	0211002506	2	26	Phát âm	5	29/01/2026	120	15H00	Vấn đáp	C2.1 - 03
15	25C1-NTN	0211004157		16	Văn hóa Nhật Bản	5	29/01/2026	120	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.1 - 04
16	25C1-KML; VSL; CNL	0211004153	1	38	Vật liệu điện - nhiệt	5	29/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
17	25C1-KML; VSL; CNL	0211004153	2	38	Vật liệu điện - nhiệt	5	29/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
18	25C1-KML; VSL; CNL	0211004153	3	38	Vật liệu điện - nhiệt	5	29/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
19	25C1-QKS; KLB	0211002536	1	30	Văn hóa ẩm thực	5	29/01/2026	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 04
20	25C1-QKS; KLB	0211002536	2	30	Văn hóa ẩm thực	5	29/01/2026	90	15H30	Tự luận	C2.2 - 05
21	25C1-KTD; LGT	0211003655	1	35	Nguyên lý kế toán	5	29/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
22	25C1-KTD; LGT	0211003655	2	35	Nguyên lý kế toán	5	29/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
23	25C1-TMD	0211004170		27	Nhập môn Thương mại điện tử	5	29/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
24	25C1-KXD	0211001803		22	Vật liệu xây dựng	5	29/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
1	25C1-CNÔ	0211000962	1	38	Động cơ đốt trong	6	30/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
2	25C1-CNÔ	0211000962	2	38	Động cơ đốt trong	6	30/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
3	25C1-CNÔ	0211000962	3	38	Động cơ đốt trong	6	30/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
4	25C1-CNÔ	0211000962	4	38	Động cơ đốt trong	6	30/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
5	25C1-CNÔ	0211000962	5	38	Động cơ đốt trong	6	30/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
6	25C1-CNÔ	0211000962	6	38	Động cơ đốt trong	6	30/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
7	25C1-CNÔ	0211000962	7	38	Động cơ đốt trong	6	30/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
8	25C1-CNÔ	0211000962	8	38	Động cơ đốt trong	6	30/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
9	25C1-CNÔ	0211000962	9	38	Động cơ đốt trong	6	30/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
10	25C1-CNÔ	0211000962	10	38	Động cơ đốt trong	6	30/01/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
11	25C1-QKS	0211003992		38	Nghiệp vụ thanh toán	6	30/01/2026	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 01
12	25C1-TMD	0211001816		26	Pháp luật thương mại điện tử	6	30/01/2026	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 02
13	25C1-CNÔ	0211000961	1	38	Kỹ thuật điện - điện tử	6	30/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
14	25C1-CNÔ	0211000961	2	38	Kỹ thuật điện - điện tử	6	30/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
15	25C1-CNÔ	0211000961	3	38	Kỹ thuật điện - điện tử	6	30/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
16	25C1-CNÔ	0211000961	4	38	Kỹ thuật điện - điện tử	6	30/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
17	25C1-CNÔ	0211000961	5	38	Kỹ thuật điện - điện tử	6	30/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
18	25C1-CNÔ	0211000961	6	38	Kỹ thuật điện - điện tử	6	30/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
19	25C1-CNÔ	0211000961	7	38	Kỹ thuật điện - điện tử	6	30/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
20	25C1-CNÔ	0211000961	8	38	Kỹ thuật điện - điện tử	6	30/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
21	25C1-CNÔ	0211000961	9	38	Kỹ thuật điện - điện tử	6	30/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
22	25C1-CNÔ	0211000961	10	38	Kỹ thuật điện - điện tử	6	30/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
23	25C1-TMD	0211003688		26	Kỹ năng phát triển cá nhân	6	30/01/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
1	25C1-CCK; CTM	0211000827	1	38	Vẽ kỹ thuật	3	03/02/2026	120	13H00	Tự luận	C2.2 - 01
2	25C1-CCK; CTM	0211000827	2	38	Vẽ kỹ thuật	3	03/02/2026	120	13H00	Tự luận	C2.2 - 02
3	25C1-CCK; CTM	0211000827	3	38	Vẽ kỹ thuật	3	03/02/2026	120	13H00	Tự luận	C2.2 - 03
4	25C1-CCK; CTM	0211000827	4	38	Vẽ kỹ thuật	3	03/02/2026	120	13H00	Tự luận	C2.2 - 04
5	25C1-CCK; CTM	0211000827	5	38	Vẽ kỹ thuật	3	03/02/2026	120	13H00	Tự luận	C2.2 - 05
6	25C1-KLB	0211004159		20	Tổng quan bếp bánh	3	03/02/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
7	25C1-ĐCN	0211000248	1	36	Khí cụ điện	3	03/02/2026	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 02
8	25C1-ĐCN	0211000248	2	36	Khí cụ điện	3	03/02/2026	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 03
9	25C1-ĐCN	0211000248	3	36	Khí cụ điện	3	03/02/2026	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 04
10	25C1-KML; VSL; CNL	0211001975	1	38	Nhiệt động kỹ thuật	3	03/02/2026	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 05
11	25C1-KML; VSL; CNL	0211001975	2	38	Nhiệt động kỹ thuật	3	03/02/2026	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 01
12	25C1-KML; VSL; CNL	0211001975	3	38	Nhiệt động kỹ thuật	3	03/02/2026	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 02
13	25C1-KTD; LGT	0211003656	1	36	Quản trị học	3	03/02/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
14	25C1-KTD; LGT	0211003656	2	36	Quản trị học	3	03/02/2026	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 04
15	25C1-CCK; CTM	0211000949	1	38	An toàn lao động	3	03/02/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
16	25C1-CCK; CTM	0211000949	2	38	An toàn lao động	3	03/02/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
17	25C1-CCK; CTM	0211000949	3	38	An toàn lao động	3	03/02/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
18	25C1-CCK; CTM	0211000949	4	38	An toàn lao động	3	03/02/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
19	25C1-CCK; CTM	0211000949	5	38	An toàn lao động	3	03/02/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
20	25C1-TĐH; ĐCN; ĐĐT; CĐT	0211001779	1	36	Mạch điện	3	03/02/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
21	25C1-TĐH; ĐCN; ĐĐT; CĐT	0211001779	2	36	Mạch điện	3	03/02/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
22	25C1-TĐH; ĐCN; ĐĐT; CĐT	0211001779	3	36	Mạch điện	3	03/02/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
23	25C1-TĐH; ĐCN; ĐĐT; CĐT	0211001779	4	36	Mạch điện	3	03/02/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
24	25C1-TĐH; ĐCN; ĐĐT; CĐT	0211001779	5	36	Mạch điện	3	03/02/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
25	25C1-TĐH; ĐCN; ĐĐT; CĐT	0211001779	6	36	Mạch điện	3	03/02/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
26	25C1-TĐH; ĐCN; ĐĐT; CĐT	0211001779	7	36	Mạch điện	3	03/02/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
27	25C1-TĐH; ĐCN; ĐĐT; CĐT	0211001779	8	36	Mạch điện	3	03/02/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
28	25C1-LGT	0211001787		41	Marketing dịch vụ Logistics	3	03/02/2026	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 04
CÁC MÔN THI PHÒNG MÁY											

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
1	25C1-TKĐ; CMT; LTM	0211003667	1	30	Tin học	2	02/02/2026	90	13H00	Tự luận trên máy tính	E2.1 - 01
2	25C1-TKĐ; CMT; LTM	0211003667	2	30	Tin học	2	02/02/2026	90	13H00	Tự luận trên máy tính	E2.1 - 02
3	25C1-TKĐ; CMT; LTM	0211003667	3	30	Tin học	2	02/02/2026	90	13H00	Tự luận trên máy tính	E2.1 - 03
4	25C1-TKĐ; CMT; LTM	0211003667	4	30	Tin học	2	02/02/2026	90	13H00	Tự luận trên máy tính	E3 - 01
5	25C1-CMT	0211002903	1	22	Mạng máy tính và quản trị mạng	2	02/02/2026	60	15H00	Trắc nghiệm trên máy	E2.1 - 01
6	25C1-CMT	0211002903	2	22	Mạng máy tính và quản trị mạng	2	02/02/2026	60	15H00	Trắc nghiệm trên máy	E2.1 - 02
7	25C1-LTM	0211004161		27	Xây dựng giao diện web	2	02/02/2026	120	15H00	Tự luận trên máy tính	E2.1 - 03